SỞ Y TẾ THÁI BÌNH **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/TBNS - TTKSBT	*Thái Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2019*

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm tra, xét nghiệm chất lượng nước Công ty Cổ phần phát triển Thủy Long quý II năm 2019.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Bình;

Căn cứ Hợp đồng giữa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Bình và Công ty Cổ phần phát triển Thủy Long về việc xét nghiệm chất lượng nước nhà máy nước Vũ Ninh năm 2019.

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế về kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế;

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Bình *đã tổ chức kiểm tra, lấy 01 mẫu nước thành phẩm tại nhà máy và 03 mẫu nước thành phẩm tại 03 hộ gia đình sử dụng nước trong thống hệ thống cấp nước của công ty về xét nghiệm.* Mỗi mẫu xét nghiệm gồm 16 chỉ tiêu, trong đó 14 chỉ tiêu hóa lý 02 chỉ tiêu vi sinh vật.

Căn cứ kết quả thử nghiệm số 431- 435/XN-KSBT ngày 29/5/209 *(có văn bản kèm theo)* Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Bình thông báo như sau:

1.Kết quả xét nghiệm.

- Mẫu số 1; Mẫu nước thành phẩm tại vòi phát bể chứa nước của cơ sở cấp nước
- Mẫu số 2, mẫu số 3, mẫu số 4 tại 03 hộ gia đình sử dụng nước trong hệ thống cấp nước của Công ty

+ Chỉ tiêu lý hóa: 14/14 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

+ Chỉ tiêu vi sinh vật: 2/2 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép

2.Khuyến nghị:

Khuyến nghị cơ sở cấp nước duy trì hàm lượng Clo dư khử khuẩn nước luôn đạt 0,3 - 0,5 mg/l.

Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có sự bất thường về chất lượng nước đề nghị sơ sở cấp nước có biện pháp khắc phục kịp thời và thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền phối kết hợp xử lý, đảm bảo chất lượng nước tốt nhất phục vụ nhân dân

KHOA SKMT **Phó khoa**	**GIÁM ĐỐC** KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Lê Thị Hồng Nhung
Bùi Minh Tuấn	

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

Nơi nhận:
- CTCP cấp nước Thủy Long
- Lưu VT- SKMT.

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 434 /XN - KSBT

Ngày trả kết quả: 29/05/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước ăn uống

Nhận diện mẫu:

M1(N09/14/5/19) - Mẫu lấy tại Vòi phát nhà máy

M2(N10/14/5/19)- Mẫu lấy tại GĐ Ông Ngọc - Thôn Đại Đồng - Vũ Ninh

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh kín nguyên vẹn.

Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước Thủy Long - Công Ty cổ phần phát triển Thủy Long

Địa chỉ: Xã Vũ Ninh - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình

Người lấy mẫu: KTV. Hoàng Thanh Huyền- Khoa xét nghiệm CĐHA & TD CN - TT.KSBT

Ngày lấy mẫu: Ngày 14 tháng 05 năm 2019

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 14 tháng 05 năm 2019

Yêu cầu thử nghiệm: Chất lượng nước theo QCVN 01: 2009/BYT

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn cho phép
				M1	M2	
1	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2012	TCU	<2,5(a)	<2,5(a)	**15**
2	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	<0,5(a)	<0,5(a)	**2**
4	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,70	7,73	**6,5-8,5**
5	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,04(a)	<0,04(a)	**3**
6	Hàm lượng Săt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,04(a	<0,04(a	**0,3**
7	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	8,51	8,51	**250**
8	Hàm lượng Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04(a)	<0,04(a)	**3**
9	Hàm lượng Nitrat(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	5,36	5,36	**50**
10	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6224:1996	mg/L	90	90	**300**

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

11	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,64	0,64	**2**
12	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	6,66	6,87	**250**
13	Hàm lượng Mangan(*)	SMEWW3111B:2012	mg/L	<0,2(a)	<0,2(a)	**0,3**
14	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-3:2011	mg/L	0,72	0,5	**0,3-0,5**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn cho phép
				M1	M2	
1	Coliforms(*)	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	KPH	KPH	**Không có**
2	E.coli(*)	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	KPH	KPH	**Không có**

Ghi chú: KPH - Không phát hiện: Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli, Coliforms}$: 03MPN /100ml

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2005*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 435 /XN - KSBT

Ngày trả kết quả: 29/05/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước ăn uống

Nhận diện mẫu:

M3(N11/14/5/19) - Mẫu lấy tại GĐ Ông Tiến - Thôn 4 - Vũ Quý - Huyện Kiến Xương

M4(N12/14/5/19)- Mẫu lấy tại GĐ Ông An - Thôn 5B - Vũ Trung - Huyện Kiến Xương

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh kín nguyên vẹn.

Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước Thủy Long - Công Ty cổ phần phát triển Thủy Long

Địa chỉ: Xã Vũ Ninh - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình

Người lấy mẫu: KTV. Hoàng Thanh Huyền- Khoa xét nghiệm CĐHA & TD CN - TT.KSBT

Ngày lấy mẫu: Ngày 14 tháng 05 năm 2019

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 14 tháng 05 năm 2019

Yêu cầu thử nghiệm: Chất lượng nước theo QCVN 01: 2009/BYT

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn cho phép
				M3	M4	
1	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2012	TCU	<2,5(a)	<2,5(a)	**15**
2	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	0,64	0,64	**2**
4	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,71	7,70	**6,5-8,5**
5	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,04(a)	<0,04(a)	**3**
6	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,04(a	<0,04(a	**0,3**
7	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,8	7,8	**250**
8	Hàm lượng Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04(a)	<0,04(a)	**3**
9	Hàm lượng Nitrat(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	5,36	5,36	**50**
10	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6224:1996	mg/L	90	90	**300**

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

11	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,76	0,76	**2**
12	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	6,77	6,87	**250**
13	Hàm lượng Mangan(*)	SMEWW3111B:2012	mg/L	<0,2(a)	<0,2(a)	**0,3**
14	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-3:2011	mg/L	0,41	0,48	**0,3-0,5**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn cho phép
				M3	M4	
1	Coliforms(*)	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	KPH	KPH	**Không có**
2	E.coli(*)	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	KPH	KPH	**Không có**

Ghi chú: KPH - Không phát hiện: Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli,\ Coliforms}$: 03MPN /100ml

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2005*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*